

Bước đầu tìm hiểu

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

♦ **Ths. Hoàng Xuân Quảng**

Bước sang thế kỷ XXI, trước xu thế phát triển của thời đại đặt ra cho các trường đại học Việt Nam những nhiệm vụ hết sức nặng nề, phải có những thay đổi thực sự để tồn tại, phát triển và hội nhập với nền giáo dục đại học khu vực và thế giới.

Nghị quyết Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã nêu:

“ Mở rộng hợp lý quy mô giáo dục đại học, làm chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả đào tạo.”

Những dự án về đổi mới giáo dục đại học đều nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, muốn đạt được mục đích này bản thân các trường đại học phải xây dựng các tiêu chí để phấn đấu và đánh giá quá trình phấn đấu của mình.

Vừa qua Bộ GD-ĐT đã nghiệm thu công trình của một nhóm các nhà khoa học với đề tài: “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo dùng cho các trường Đại học Việt Nam.” Trong đó đã chọn ra 10 tiêu chí trong 26 tiêu chí của 8 lĩnh vực mà đề tài đã thiết lập để dùng trong việc kiểm định chất lượng giáo dục đại học trong giai đoạn 2001-2005.

Để có cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược của Đại Học An Giang thời kỳ 2001-2010, chúng tôi xin giới thiệu nội dung của 10 tiêu chí.

➤ **TIÊU CHÍ 1: Công tác tổ chức và quản lý:**

Hệ thống tổ chức của trường phải quy định rõ ràng chức năng của các đơn vị trong trường. Cơ cấu tổ chức của trường phải có các bộ phận

có đủ chức năng để đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc các chính sách và quy định của trường, trách nhiệm và sứ mạng của trường và phát triển nguồn lực cho trường. Các phòng ban chức năng trong trường phải tạo điều kiện và hỗ trợ nâng cao chất lượng kết quả học tập, kết quả nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác, đồng thời góp sức củng cố cơ cấu tổ chức, lãnh đạo và quản lý của trường.

Các chỉ số đánh giá:

1. Công nghệ hoá hệ thống quản lý và lưu trữ trong toàn trường:

- Quản lý các số liệu về nhân sự, cơ sở vật chất, thư viện và các hoạt động khác bằng các phần mềm vi tính phù hợp.
- Các kết quả đánh giá định kỳ về các hoạt động của các đơn vị và cá nhân (CB - GVCNV - SV)
- Số liệu lưu trữ phải đảm bảo: chính xác, cập nhật, truy cập tiện lợi.

2. Những điều kiện cơ bản cần đạt được:

- Có văn bản quy định về cơ cấu tổ chức hoạt động của trường, có tiêu chí và quy trình tuyển lựa cán bộ làm việc trong các phòng ban chức năng.
- Có văn bản quy định cho các đơn vị, cá nhân trách nhiệm đến quá trình cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, tuyển sinh, tốt nghiệp.
- Các quyết định liên quan đến công tác sinh viên.
- Tổ chức phải đảm bảo đầy đủ đội ngũ cán bộ có đủ số lượng và chất lượng hoàn thành nhiệm vụ.

- Bộ phận tài chính phải có đủ nguồn lực tài chính cho việc thực hiện kế hoạch của trường.
- Mọi thành viên trong trường thường xuyên được cung cấp các thông tin cập nhật.

➤ **TIÊU CHÍ 2: Tỷ lệ sinh viên trên cán bộ giảng dạy.**

Trường phải có đủ số lượng CBGD tương ứng với số lượng sinh viên và chương trình đào tạo của trường theo tỷ lệ quy định.

Tỷ lệ đối với các ngành:

+ Sư phạm: 10-16 SV/1 CBGD

+ Nông nghiệp – kỹ thuật CN: 12-18 SV/1 CBGD

+ Kinh tế: 20-26 SV/1 CBGD.

➤ **TIÊU CHÍ 3: Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có học vị sau đại học.**

Cán bộ giảng dạy phải có bằng cấp chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy theo đúng quy chuẩn về CBGD đại học của Bộ GD-ĐT và đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đảm nhiệm, và được phân công trách nhiệm cụ thể.

Tỷ lệ đối với các ngành:

Ngành	Sau đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
Sư phạm	65-95%	40-50%	25-45%
Nông nghiệp- kinh tế	50-80%	30-40%	20-40%
Kỹ thuật	60-90%	40-50%	20-40%

➤ **TIÊU CHÍ 4: Năng lực của sinh viên.**

Năng lực của sinh viên được xác định bằng kết quả học tập của sinh viên từ trung học phổ thông, quá trình học đại học cho đến khi tốt nghiệp đại học.

Các chỉ số đánh giá:

- Kết quả tốt nghiệp trung học phổ thông.
- Kết quả học tập ở các học kỳ, năm học ở đại học.
- Tỷ lệ tốt nghiệp và kết quả tốt nghiệp.
- Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm.

➤ **TIÊU CHÍ 5: Chương trình học và tài liệu chuyên môn.**

Chương trình đào tạo của trường phù hợp với mục tiêu đào tạo của hệ đại học. Chương trình đào tạo cung cấp cho SV những kỹ năng và kiến thức cơ bản nhất bao gồm cả kỹ năng viết các bài tập lớn và thuyết trình các vấn đề, lý giải các vấn đề một cách khoa học, khả năng phân tích và tư duy sáng tạo, biết sử dụng kỹ thuật công nghệ mới trong học tập và nghiên cứu. Trường nêu rõ kết quả SV cần đạt được trong từng môn học bao gồm: khối lượng kiến thức, các kỹ năng và các giá trị tinh thần khác.

Các chỉ số đánh giá:

- Chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng của trường và mục tiêu đào tạo của ngành học.
- Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản nhất.
- Các môn học có mục tiêu chi tiết rõ ràng.
- Tỷ lệ đầu giáo trình đã được thẩm định trên một môn học.

- Thư viện của trường cung cấp đầy đủ tài liệu để sinh viên và giáo viên tham khảo.

➤ **TIÊU CHÍ 6: Phương pháp giảng dạy và học tập.**

Phương pháp giảng dạy và học tập tiên tiến, phù hợp với đối tượng học, kết hợp lý thuyết với thực hành.

Các chỉ số đánh giá:

- Phương pháp giảng dạy đòi hỏi sinh viên phải chủ động tư duy và tham gia xây dựng bài.
- Sử dụng công nghệ mới trong giảng dạy (các thiết bị hỗ trợ giảng dạy)
- Trường, khoa và từng GV định kỳ đánh giá hiệu quả của các phương pháp giảng dạy để điều chỉnh cho phù hợp và đạt hiệu quả hơn.
- Tỷ lệ môn học được SV đánh giá có phương pháp dạy tốt.

➤ **TIÊU CHÍ 7: Đề tài nghiên cứu khoa học.**

Cán bộ và giáo viên đại học có trách nhiệm tham gia nghiên cứu khoa học và hướng dẫn SV NCKH, viết khoá luận hoặc luận văn.

Các chỉ số đánh giá:

- Tỷ lệ công trình NCKH (khoá luận, luận văn, báo cáo khoa học, ứng dụng công nghệ vào sản xuất,...) trên đầu SV /1 năm học.
- Tỷ lệ CBGD trên lượt đề tài NCKH/1 năm học.

➤ **TIÊU CHÍ 8: Hệ thống hạ tầng cơ sở.**

Đảm bảo hệ thống hạ tầng cơ sở đạt quy chuẩn đáp ứng các chương trình đào tạo và số lượng SV, GV của trường.

Các chỉ số đánh giá:

- Số lượng phòng học
- Số lượng phòng thí nghiệm, xưởng thực hành,...
- Hệ thống điện, ánh sáng.
- Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh.
- Các khu vực thể thao.

➤ **TIÊU CHÍ 9: Kinh phí hàng năm:**

Tổng kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác.

Các chỉ số đánh giá:

- Tổng kinh phí từ ngân sách
- Tổng kinh phí từ các nguồn thu khác
- Quy trình và tiêu chí phân bổ nguồn tài chính

➤ **TIÊU CHÍ 10: Các hoạt động quan hệ quốc tế phục vụ đào tạo và NCKH.**

Hoạt động quốc tế tạo nguồn lực cho các hoạt động đào tạo và NCKH của trường và tăng tiềm lực tài chính của trường.

Các chỉ số đánh giá:

- Kết quả hoạt động quốc tế đạt được về đào tạo.
- Kết quả hoạt động quốc tế đạt được về NCKH.
- Kinh phí thu được từ các hoạt động quan hệ quốc tế.

Các tiêu chí này là những chuẩn chung ở giai đoạn hiện tại và có tính đến sự phát triển của giáo dục đại học Việt Nam trong những giai đoạn gần nhất. Việc đánh giá để phân loại được chia 4 mức: TỐT-KHÁ-ĐẠT- KHÔNG ĐẠT YẾU CẦU, tùy theo mức độ đạt được các chỉ số của các tiêu chí.

Những tiêu chí chuẩn này cũng là một cơ sở quan trọng để đại học An Giang xây dựng chiến

lược đầu tư nguồn lực nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động của trường □

☞ **Tài liệu tham khảo** ☞

1. 10 tiêu chí đánh giá chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo đại học – ĐHQG Hà Nội 8/2001.
2. Các tài liệu Hội nghị Giáo dục đại học – Hà Nội 1-3.10.2001.